

Bản án số 30/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 15 tháng 6 năm 2020  
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**  
**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Trường.

*Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Văn Tuấn và ông Nguyễn Văn Bảng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đặng Văn Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B: Ông Đặng Đức Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15/6/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 123/2020/TLVA- HNGĐ ngày 27/3/2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/4/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2020/HNGĐ-ST ngày 15/5/2020, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Anh Trương Xuân P, sinh năm 1963. Địa chỉ: thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt, xin xét xử vắng mặt)

+ Bị đơn: Chị Giáp Thị H, sinh năm 1975. Địa chỉ: thôn T, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 26/3/2020 và trong quá trình xét xử, anh Trương Xuân P vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trình bày:*

Anh Trương Xuân P với chị Giáp Thị H kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 13/11/1997 tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Trước khi kết hôn hai người được tự do tìm hiểu. Sau khi kết hôn thì chị H về làm dâu nhà anh P ngay tại: thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Trong thời gian chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2006 thì hai bên có xảy ra mâu thuẫn, chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị ở tại thôn T, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng không thể kéo dài hơn, anh P đề nghị tòa án cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Hai vợ chồng có 02 con chung cháu Trương Xuân H, sinh năm 1998 hiện cháu đã mất năm 2019. Cháu thứ hai là Trương Thị Thu U, sinh năm 2005 hiện đang ở cùng với chị H. Ly hôn anh P không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Chị Giáp Thị H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, Tòa án quyết định xét xử vắng mặt chị H theo quy định của pháp luật.*

Ngày 27/3/2020, Tòa án tiến hành xác minh với ông Giáp Văn N và bà Nguyễn Thị Đ (là bố mẹ đẻ của chị H) cho biết như sau:

Anh Trương Xuân P kết hôn với chị Giáp Thị H vào tháng 11/1997, có đăng ký kết

hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Hai người kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình đồng ý. Sau khi kết hôn thì chị H về làm dâu nhà anh P ngay tại: thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Trong thời gian chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2006 thì hai bên có xảy ra mâu thuẫn do tính cách hai người không hợp nhau, bất đồng trong mọi vấn đề, thường xuyên cãi nhau. Chị H đã bỏ về nhà ông Ngọc, bà Đào ở tại thôn T, xã D, thành phố B. Hai bên gia đình cố gắng hòa giải nhưng không thành. Hai người ly thân nhau từ đó, không ai còn quan tâm đến ai.

Về con chung: Hai vợ chồng có 02 con chung cháu Trương Xuân H, sinh năm 1998 hiện cháu đã mất năm 2019. Cháu thứ hai là Trương Thị Thu U, sinh năm 2005 hiện đang ở cùng với chị H.

Hiện chị H đang đi làm ăn xa thường xuyên điện thoại về hỏi thăm bố mẹ và con cái; thỉnh thoảng chị H về thăm bố mẹ và con cái.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên Tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên tòa. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự, đã có đơn xin xét xử vắng mặt, chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên tòa. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Cần chấp nhận ly hôn giữa anh Trương Xuân P và chị Giáp Thị H.
  - Về nuôi con chung: Anh Trương Xuân P và chị Giáp Thị H không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
  - Về tài sản chung, công nợ chung: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.
- Về án phí: Anh Trương Xuân P phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, Biên bản xác minh có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa hôm nay anh P có đơn xin xử vắng mặt, chị H vắng mặt lần thứ hai không có lý do, do vậy Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt anh P và chị H theo Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh P và chị H kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn và cưới hỏi theo phong tục địa phương nên quan hệ hôn nhân giữa anh P và chị H là hợp pháp.

Trong thời gian chung sống hai bên thường xảy ra mâu thuẫn vợ chồng (Do tính cách hai người không hợp nhau) dẫn tới việc chị H và anh P ly thân nhau từ năm 2006 đến nay không ai còn quan tâm đến ai. Xét thấy tình trạng hôn nhân mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị H được ly hôn anh P (theo Điều 56- Luật hôn nhân và gia đình 2014).

[3] Về con chung: Chị H và anh P không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H và anh P không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh P phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 58 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

#### **Xử:**

**Về quan hệ hôn nhân:** Cho ly hôn giữa anh Trương Xuân P và chị Giáp Thị H.

**Về án phí:** Anh Trương Xuân P phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001177 ngày 27/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Xác nhận anh P đã nộp xong án phí sơ thẩm.

**Về quyền kháng cáo:** anh Trương Xuân P và chị Giáp Thị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Trường**

#### **Nơi nhận:**

- VKSND TP B;
- CCTHA-DS TP B;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Trường**

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.